

Bản án số: 93/2018/HS-PT
Ngày: 10-4-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Lê Trọng Hân

Ông Võ Văn Lịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2018/TLPT-HS ngày 07 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo Nguyễn Thị T và Ngô Thị Đ do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 45/2017/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị T, sinh năm: 1969. Nơi sinh: A, tỉnh Kiên Giang. Nơi ĐKTT: ấp 7 B, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị B; chồng: Khổng Văn S; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/8/2017 cho đến nay. (Có mặt)

2. Ngô Thị Đ, sinh năm: 1961. Nơi sinh: A, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: ấp 7 B, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn T và bà Trần Thị T; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/8/2017 cho đến nay. (Có mặt)

Trong vụ án còn có các bị cáo Trần Thị Mỹ C và Nguyễn Văn Đ1 không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 04/7/2017 đến ngày 13/7/2017, Nguyễn Thị T, trú tại ấp 7 B, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang bán số đề (số lô đầu và bao lô) với tỷ lệ thắng thua là 1 trúng 80 (tức mua 1.000đ trúng 80.000đ). T bán số đề bằng cách ghi âm cuộc gọi điện thoại, rồi nộp phôi cho Ngô Thị Đ cùng ấp để nhận được tiền hoa hồng thấp nhất 30.000đ, cao nhất 50.000đ/ngày. Trong ngày 11/7/2017 T bán số đầu và bao lô 50 số đài Bạc Liêu có 03 người trúng cụ thể là: Trần Thị Mỹ C mua số tiền 200.000đ trúng được số tiền là 16.000.000đ; Nguyễn Văn Đ1 mua số đầu 50 với số tiền 100.000đ và bao lô 50 với số tiền 5.000đ, tổng cộng Đ1 trúng số đề với số tiền là 8.400.000đ; Lê Thị T mua số đề đầu 50 với số tiền 10.000đ, trúng được 800.000đ.

Đến ngày 13/7/2017, Nguyễn Thị T tham gia đánh bài tứ sắc thắng thua bằng tiền tại nhà của T, trú tại ấp 7 B, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang thì bị lực lượng công an xã N bắt quả tang, thu giữ điện thoại di động của T có nội dung ghi âm các cuộc gọi về việc mua bán số đề, tiến hành kiểm tra đoạn ghi âm trong máy điện thoại của Nguyễn Thị T và xác định nội dung mua bán số đề trong ngày 11/7/2017 cụ thể như sau:

- Số tiền Nguyễn Văn Đ1 dùng để đánh bạc như sau: Đ1 mua số đầu 100.000, bao lô 5.000đ ($5.000đ \times 16 \text{ lô} = 80.000đ$) trúng thưởng 8.400.000đ. Như vậy số tiền dùng để đánh bạc của Định là 8.580.000đ.

- Số tiền của Trần Thị Mỹ C dùng để đánh bạc được xác định như sau:

C mua số đầu 200.000đ trúng thưởng 16.000.000đ. Như vậy số tiền dùng để đánh bạc của C là 16.200.000đ.

- Số tiền Lê Thị T dùng để đánh bạc được tính như sau: T mua số đầu 10.000đ trúng thưởng 800.000đ. Như vậy tiền dùng để đánh bạc của T là 810.000đ.

- Số tiền Ngô Thị Đ và Nguyễn Thị T dùng để đánh bạc là 15.590.000đ.

Từ ngày 04/7/2017 đến ngày 13/7/2017, Ngô Thị Đ nhận phôi số đề do Nguyễn Thị T bán tổng cộng 11 ngày, số tiền thấp nhất là 600.000đ, nhiều nhất là 3.387.000đ, Đ thu lợi bất chính với số tiền là 21.928.500đ.

Từ ngày 04/7/2017 đến ngày 13/7/2017, Ngô Thị Đ nhận phôi số đề do Nguyễn Thị T bán tổng cộng 11 ngày, nhận tiền hoa hồng thấp nhất 30.000đ, cao nhất 50.000đ/ngày, thu lợi bất chính với số tiền 440.000đ.

***Vật chứng vụ án thu giữ:** 01 (một) điện thoại di động màu đen, sau lưng có dòng chữ Oppo đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động màu trắng

sau lưng phía dưới có dòng chữ Samsung, phía trên có dòng chữ Lte đã qua sử dụng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 45/2017/HSST ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Thị T và Ngô Thị Đ** phạm tội “*Đánh bạc*”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị T 06 (sáu) tháng tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo **Ngô Thị Đ 06 (sáu) tháng tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên xử bị cáo Trần Thị Mỹ C và Nguyễn Văn Định mỗi bị cáo 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29/12/2017, các bị cáo Nguyễn Thị T và Ngô Thị Đ có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang đã xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” là đúng tội và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T và Ngô Thị Đ đã đúng qui định về người có quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo theo Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự (2015). Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về Quyết định của Bản án sơ thẩm:

a). Bị cáo Nguyễn Thị T là người bán số đề cho nhiều người khác sau đó nộp phôi cho bị cáo Ngô Thị Đ để được hưởng tiền hoa hồng từ 30.000đ đến 50.000đ/ngày, vào ngày 11/7/2017 có ba người mua số đề của bị cáo T trúng được tổng số tiền cả gốc và tiền trúng là 25.590.000đ. Ngoài ra trong quá trình mua bán số đề bị cáo Đ thu lợi được 21.928.500đ, bị cáo T thu lợi được 440.000đ. Hành vi của 2 bị cáo đã trực tiếp ăn thua bằng tiền với những người mua số đề, do đó án sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 248-BLHS để xét xử 2 bị cáo về tội “Đánh bạc” là có căn cứ đúng qui định của pháp luật.

b). Xét tính chất mức độ phạm tội của bị cáo Ngô Thị Đ là người trực tiếp đánh bạc với những con bạc, bị cáo bỏ tiền ra trả cho những người trúng đề, còn bị cáo Nguyễn Thị T chỉ là người giúp sức cho hành vi đánh bạc của bị cáo Đ để được hoa hồng, khoản thu lợi do hành vi phạm tội của bị cáo Đ cao hơn nhiều so với bị cáo T. Như vậy tính chất, mức độ tham gia của bị cáo Đ cao hơn bị cáo T nhưng án sơ thẩm lại quyết định mức hình phạt cho 2 bị cáo đều bằng nhau 06 tháng tù là chưa phù hợp với qui định về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm được qui định tại Điều 53-BLHS (1999).

[3] Về tình tiết giảm nhẹ:

Án sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo các tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và thành khẩn khai báo để áp dụng điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 là đúng qui định của pháp luật.

[4] Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo:

a). Cả 2 bị cáo kháng cáo đều xin được hưởng án treo với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn, xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo thấy rằng mặc dù 2 bị cáo đều có 2 tình tiết giảm nhẹ được qui định tại khoản 1 Điều 46-BLHS, có nơi cư trú rõ ràng...nhưng vai trò của 2 bị cáo trong vụ án này cao hơn các bị cáo khác và giữ vai trò quyết định, hơn nữa để đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa các tệ nạn xã hội, giữ vững an ninh trật tự tại địa phương nên không thể cho 2 bị cáo được hưởng án treo.

b). Bị cáo Ngô Thị Đ là người có vai trò và mức độ phạm tội cao nhất so với các đồng phạm khác nhưng án sơ thẩm chỉ quyết định cho bị cáo mức án 06 tháng tù là mức án khởi điểm của khung hình phạt là nhẹ và đã có lợi cho bị cáo nên không có căn cứ nào giảm hình phạt cho bị cáo được, yêu cầu kháng cáo của bị cáo không có căn cứ chấp nhận. Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 355, Điều 356-BLHS (2015) giữ nguyên bản án sơ thẩm.

c). Đối với bị cáo Nguyễn Thị T có tính chất, mức độ tham gia thấp hơn bị cáo Ngô Thị Đ nhưng cấp sơ thẩm lại quyết định mức hình phạt bằng với bị cáo Đ là nặng và chưa đảm bảo tính công bằng của pháp luật nên cần giảm một phần hình phạt cho bị cáo mới phù hợp với tính chất, mức độ và vai trò của bị

cáo trong vụ án. Do đó theo hướng có lợi cho bị cáo cấp phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357-BLTTHS (2015) sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo.

[5] Về quan điểm của Kiểm sát viên:

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên đối với bị cáo Ngô Thị Đ, không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên đối với bị cáo Nguyễn Thị T. Do sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm và để đảm bảo sự công bằng của pháp luật nên cần giảm một phần hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thị T như đã phân tích ở điểm c phần [4].

[6] Về điều luật áp dụng:

Thực hiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 của Quốc hội khóa XIV về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 theo nguyên tắc áp dụng những quy định có lợi cho người phạm tội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tương ứng tại điểm i, s khoản 1 Điều 51, đồng phạm được quy định tương ứng tại Điều 17, hình phạt tù được quy định tương ứng tại Điều 38 – Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt cho bị cáo.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm b, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo Đ không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng, yêu cầu kháng cáo của bị cáo T được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ, chấp nhận kháng cáo của bị cáo T. Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Khoản 3 Điều 7, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Ngô Thị Đ 06 (sáu) tháng tù** về tội “*Đánh bạc*”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị T 04 (bốn) tháng tù** về tội “*Đánh bạc*”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, điểm b, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Ngô Thị Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 45/2017/HS-ST ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh KG;
- Trại tạm giam - CAKG;
- Sở tư pháp tỉnh KG;
- TAND huyện A;
- THA huyện A;
- VKSND huyện A;
- Bị cáo.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Minh Hiếu